

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/DS ST

Ngày: 05 / 05 /2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thỏ

2. Ông Hà Ngọc Chúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/ TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/ QĐXX - ST ngày 04 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Địa chỉ: Số 89 L , phường L , quận Đ , Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Chu Quốc T sinh năm 1997– Cán bộ xử lý nợ

Trú tại: Số 14 phố T , phường T , quận N, Tp H (có mặt)

Ông Trần Việt H sinh năm 1988

Chuyên viên pháp lý- Ngân hàng TMCP Việt Nam T (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Quang T - sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố 2, phường L , thị xã Bỉm sơn, tỉnh T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/09/2017 ông Lê quang T có ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPbank) theo Hợp đồng số RB/VN 0010324/201709/3200114 và được giải ngân chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của khách hàng tại VPBANK theo hợp đồng điện tử số 133375023 số tiền cho vay: 99.000.000 đồng (Bằng chữ: *chín mươi chín triệu đồng*). Lãi suất vay: 24%/năm. (Phần lãi suất được nêu tại mục a khoản 4 phần xác nhận cam kết của khách hàng trong giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không TSBĐ ngày 23 tháng 9 năm 2017 của ngân hàng Vbank và chấp nhận theo cơ chế lãi điều chỉnh lãi suất của Vbank). Thời hạn vay là 48 tháng. Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng 01 lần vào các ngày 01/01; 01/04; 01/07; 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01.01.2018 mức điều chỉnh lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn tương ứng với thời hạn vay là 48 tháng + biên độ 16%. Theo quy định của Vpbank (*các quyết định số 1020-463-722/2017/QĐ-TGD số 235-458-781/QĐ-TGD, số 991/2018/QĐ-TGD; số 112-393-637/2019/QĐ-TGD, số 908-152/2020/QĐ-TGD*)

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn đến khi điều chỉnh lãi suất , lãi suất trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng thay đổi theo bằng 150% lãi suất vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

-Phạt chậm trả lãi : Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: Số tiền phạt chậm trả bằng : Số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn : 360 vận dụng nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Vpbank áp dụng mức tối đa để tính phạt chậm trả là 10%/ năm và thực tế tại khoản vay này Vpbank cũng áp dụng mức lãi suất 10% / năm để tính số tiền phạt chậm trả lãi.

Tiền lãi sẽ dựa trên cơ sở 360 ngày . Số tiền trả lãi mỗi kỳ bằng dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi nhân lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính chia 360. . Khoản vay tín chấp không có thời hạn đảm bảo. Cụ thể theo ngân hàng tính số tiền lãi như sau:

-Từ ngày 29/9/2017 (thời điểm giải ngân) đến ngày 30/9/2017 (02) ngày khoản vay trong hạn lãi suất 24%/năm dư nợ gốc là: $99.000.000đ \times 2 \times 24\% : 360 = 132.000đ$

-Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/10/2017 (31 ngày): khoản vay trong hạn với lãi suất 24% khoản vay có dư nợ gốc là 99.000.000đ tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian này là: $(99.000.000đ \times 31 \times 24\%) : 360 = 2.046.000đ$ do vậy tiền lãi lũy kế là: $132.000đ + 2.046.000đ = 2.178.000đ$.

-Từ ngày 01/11/2017 đến 30/11/2017 (30 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $24 \times 150\% = 36\%$ Ngân hàng thu được 0 đ nợ gốc và 10.717 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này đến ngày 30/11/2017 tiền lãi phát sinh là: $(99.000.000đ \times 30 \times 36\%) : 360 = 2.970.000đ$ tiền lãi lũy kế là: $(2.970.000đ + 2.178.000đ) - 10.717 đ = 5.137.283 đ$ (trong đó số tiền 10.717 đ là số tiền lãi của số dư tối thiểu khi mở tài khoản của anh Tuấn); tiền phạt chậm trả là: $(5.137.283 đ \times 30 \times 10\%) : 360 = 42.811 đ$

- Từ ngày 01 /12/2017 đến 31/12/2017 (31 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là $24\% \times 150\% = 36\%$ năm Vpbank thu 0 đ nợ gốc và 21 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này là $(99.000.000đ \times 31 \times 36\%) : 360 = 3.069.000đ$ do đó tiền lãi lũy kế là: $(3.069.000đ + 5.137.283 đ) - 21 = 8.206.262đ$ tiền phạt chậm trả là: $(8.206.262đ \times 31 \times 10\%) : 360 = 70.665 đ$ tiền phạt chậm trả lũy kế là: $70.665 đ + 42.881 đ = 113.476 đ$.

-Từ ngày 01.01.2018 khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 23,9% năm căn cứ theo quyết định số 1020/2017/ QĐ-TGD ngày 29/12/2017

Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018 (31 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $23,9 \times 150\% = 35,85\%$ năm Vpbank thu 0 đ nợ gốc và 22 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 31/10/2018 khoản vay có nợ gốc là: 99.000.000đ và tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian này là: $(99.000.000đ \times 31 \times 35,85\%) : 360 = 3.056.213 đ$ tiền lãi lũy kế tính là: $(3.056.213 đ + 8.206.262đ) - 22 = 11.262.453 đ$; tiền phạt chậm trả là: $(11.262.453 đ \times 31 \times 10\%) : 360 = 96.982 đ$, tiền phạt chậm trả là lũy kế là : $96.982 đ + 113.476 đ = 210.458 đ$.

-Từ ngày 01/02/2018 khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 23,9% năm căn cứ theo quyết định số 1020/2017/ QĐ-TGD ngày 29/12/2017

-Từ ngày 01/02/2018 đến 31/3/2018 (59 ngày), khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $23,9\% \times 150\% = 35,85\%$ / năm Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ, và 21đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 31/3/2018 khoản vay nợ gốc 99.000.000đ tiền lãi phát sinh là: $(99.000.000đ \times 59 \times 35,85\%) : 360 = 5.816.663 đ$, tiền lãi lũy kế tính là: $5.816.663 đ + 11.262.453 đ) - 21 = 17.079.094$

đ, tiền phạt chậm trả là: $(17.079.094 \text{ đ} \times 59 \times 10\%): 360 = 279.907 \text{ đ}$. Tiền phạt chậm trả lũy kế là: $279.907 + 210.458 = 490.365 \text{ đ}$.

-Từ ngày 01/04/2018 khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 22,80% / năm căn cứ theo quyết định số 235/2018/QĐ-TGD ngày 28/03/2018

Từ ngày 01/4/2018 đến 30/6/2018 là (91 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $22.80\% \times 150\% = 34,20\%$ năm, Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ tiền lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 30/6/2018 là: $(99.000.000\text{đ} \times 91 \times 34,20\%): 360 = 8.558.550 \text{ đ}$, do đó tiền lãi lũy kế tính là: $8.558.550 \text{ đ} + 17.079.094 = 25.637.644 \text{ đ}$, tiền phạt chậm trả là: $(25.637.644 \times 91 \times 10\%): 360 = 648.063 \text{ đ}$, do đó tiền phạt chậm trả lũy kế là: $648.063 \text{ đ} + 490.365 \text{ đ} = 1.138.428 \text{ đ}$

-Từ ngày 01/7/2018, khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 23,10 % năm, căn cứ theo quyết định số 458/2018/QĐ-TGD ngày 19/6/2018 .

Từ ngày 01/7/2018 đến 30/9/2018 (92 ngày), khoản vay bị quá hạn nên bị áp dụng lãi suất là: $23,10 \times 150\% = 34,65\%$ / năm, Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 30/9/2018 là: $(99.000.000 \times 92 \times 34,65\%) : 360 = 8.766.450 \text{ đ}$; tiền lãi lũy kế là: $8.766.450 \text{ đ} + 25.637.644 \text{ đ} = 34.404.094 \text{ đ}$, tiền phạt chậm trả là: $(34.404.094 \text{ đ} \times 92 \times 10\%): 360 = 879.216 \text{ đ}$, tiền phạt chậm trả lũy kế là: $879.216 \text{ đ} + 1.138.428 \text{ đ} = 2.017.644 \text{ đ}$

-Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018 (92 ngày) khoản vay bị quá hạn thành 23,70% năm căn cứ theo quyết định số 781 /2018/QĐ-TGD ngày 26/09/2018 khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $23,70\% \times 150\%$ năm $= 35,55\%$ / năm Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 31/12 /2018 Nợ gốc 99.000.000đ tiền lãi phát sinh là: $(99.000.000\text{đ} \times 92 \times 35,55\%): 360 = 8.994.150 \text{ đ}$ tiền lãi lũy kế tính là: $8.994.150 \text{ đ} + 34.404.094 \text{ đ} = 43.398.244 \text{ đ}$; tiền phạt chậm trả là: $(43.398.244 \text{ đ} \times 92 \times 10\%): 360 = 1.109.066 \text{ đ}$ tiền phạt chậm trả lũy kế là: $1.109.066 \text{ đ} + 2.017.644 \text{ đ} = 3.126.710 \text{ đ}$.

-Từ ngày 01/01 /2019 khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 24,40% năm, căn cứ theo quyết định số 911/2018 /QĐ-TGD ngày 06/12/2018

Từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019 (90 ngày) khoản vay bị quá hạn nên bị áp dụng lãi suất là $24,40\%$ năm $\times 150\% = 36,60\%$ năm Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 31/3/2019, nợ gốc 99.000.000đ tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian này là $99.000.000\text{đ} \times 90 \times 36,60\% = 9.058.500\text{đ}$ tiền lãi lũy kế tính là: $9.058.500\text{đ} + 43.398.244 \text{ đ} =$

52.456.744 đ tiền phạt chậm trả là: $(52.456.744 \text{ đ} \times 90 \times 10\%) : 360 = 1.311.419$ đ. Tiền phạt chậm trả lũy kế là: $1.311.419 \text{ đ} + 3.126.710 \text{ đ} = 4.438.129 \text{ đ}$.

-Từ ngày 01/4/2019 khoản vay được điều chỉnh lãi suất là: 24,40% năm căn cứ theo quyết định số 112/2019 /QĐ-TGD ngày 15/02/2019

Từ ngày 01/4/2019 đến 30/6/2019 (91 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là $24,40\% \times 150\% = 36,60\%$ / năm Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 30/6/2019 khoản vay có nợ gốc là 99.000.000đ tiền lãi phát sinh là: $(99.000.000 \text{ đ} \times 91 \times 36,60\%) : 360 = 9.159.150$ đ. Tiền lãi lũy kế là: $9.159.150 \text{ đ} + 52.456.744 \text{ đ} = 61.615.894 \text{ đ}$ Tiền phạt chậm trả là: $(61.615.894 \text{ đ} \times 91 \times 10\%) : 360 = 1.557.513$ đ tiền phạt chậm trả lũy kế là: $1.557.513 \text{ đ} + 4.438.129 \text{ đ} = 5.995.641 \text{ đ}$

Từ ngày 01.7.2019, khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 24,20% năm căn cứ theo quyết định số 339/2019/QĐ-TGD ngày 14 /6/2019.

Từ ngày 01/7/2019 đến 30/9/2019 (92 ngày) khoản vay bị quá hạn nên bị áp dụng lãi suất là: $24,20\% \times 150\% = 36,30\%$ Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 30/9/2019 nợ gốc 99.000.000đ tiền lãi phát sinh là: $99.000.000 \text{ đ} \times 92 \times 36,30\% = 9.183.900 \text{ đ}$ do đó tiền lãi lũy kế tính là: $9.183.900 \text{ đ} + 61.615.894 \text{ đ} = 70.799.794 \text{ đ}$, tiền phạt chậm trả là: $(70.799.794 \text{ đ} \times 92 \times 10\%) : 360 = 1.809.328$ đ, tiền phạt chậm trả lũy kế là: $1.809.328 \text{ đ} + 5.995.641 \text{ đ} = 7.804.970 \text{ đ}$

-Từ ngày 01/10/2019 khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 24,70% / năm căn cứ theo quyết định số 637/2019/QĐ-TGD ngày 22/8/2019

Từ ngày 01/10/2019 đến 31/12/2019 (92 ngày) khoản vay bị quá hạn nên bị áp dụng lãi suất là: $24,70\% \times 150\% = 37,05\%$ / năm Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 31/12/2019 nợ gốc 99.000.000đ tiền lãi phát sinh là $(99.000.000 \text{ đ} \times 92 \times 37,05\%) : 360 = 9.373.650 \text{ đ}$, do đó tiền lãi lũy kế tính là: $9.373.650 \text{ đ} + 70.799.794 \text{ đ} = 80.173.444 \text{ đ}$ tiền phạt chậm trả là: $(80.173.444 \text{ đ} \times 92 \times 10\%) : 360 = 2.048.877$ đ, tiền phạt chậm trả lũy kế là: $2.048.877 \text{ đ} + 7.804.970 \text{ đ} = 9.853.846 \text{ đ}$

-Từ ngày 01.01.2020 khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn là: 24,40% / năm căn cứ theo quyết định số 908/2019/QĐ-TGD ngày 22 tháng 11 năm 2019

Từ ngày 01.01.2020 đến 31.3.2020 (91 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $24,40\% \times 150\% = 36,60\%$ / năm Vpbank thu được nợ gốc và 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 31/03/2020 Vpbank thu được nợ gốc: 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này là $99.000.000 \text{ đ} \times 91 \times 36,60\% = 9.159.150 \text{ đ}$ do đó tiền lãi lũy kế là: $9.159.150 \text{ đ} + 80.173.444 \text{ đ} = 89.332.594 \text{ đ}$ tiền phạt chậm

trả là: $(89.332.594 \text{ đ} \times 91 \times 10\%) : 360 = 2.258.129 \text{ đ}$, tiền phạt chậm trả lũy kế là: $2.258.129 \text{ đ} + 9.853.846 \text{ đ} = 12.111.976 \text{ đ}$.

-Từ ngày 01/4/202, khoản vay được điều chỉnh lãi suất trong hạn thành 24,20% năm căn cứ theo quyết định số 152/2020/QĐ-TGD ngày 17/3/2020.

Từ ngày 01/04/2020 đến 05/05/2020 là (35 ngày) khoản vay bị quá hạn nên áp dụng lãi suất là: $24,20\% \times 150\% = 36,30\%$, Vpbank thu được nợ gốc và 0 đ nợ lãi trong khoảng thời gian này nên đến ngày 05/05/2020, khoản vay có nợ gốc là $(99.000.000 \text{ đ} \times 35 \times 36,60\%) : 360 = 3.493.875 \text{ đ}$, do đó tiền lãi lũy kế là: $3.493.875 \text{ đ} + 89.332.594 \text{ đ} = 92.826.469 \text{ đ}$; tiền phạt chậm trả là: $(92.826.469 \text{ đ} \times 35 \times 10\%) : 360 = 902.479.559$ do đó tiền phạt lũy kế là: $902.479.559 + 12.111.976 = 13.014.455 \text{ đ}$.

Quá trình thực hiện hợp đồng Lê Quang T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 01/11/2017. Lãi suất tính đến ngày 05/05/2020 Lê Quang T còn nợ VPbank là: gốc: 99.000.000đ; Lãi: 92.826.469đ; tiền lãi phạt trả lãi là: 13.014.455đ Tổng là: 204.840.924đ (*hai trăm linh tư triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, chín trăm hai mươi tư đồng*).

Hiện nay, Lê Quang T không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại công an phường L thị xã B, tỉnh T thì Lê Quang T có hộ khẩu tại khu phố 2, phường L, thị xã B, nhưng không có mặt tại nơi cư trú, công an phường không biết hiện anh Lê Quang T ở đâu làm gì. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh Tuấn là anh Lê Ngọc A (anh trai anh Tuấn) thì thể hiện trước đây anh T cư trú tại khu phố 2, phường L thị xã B trên đất của bố mẹ nhưng từ khi anh ly hôn vợ thì lúc anh T về ở tại nhà anh, lúc thì anh T đi ở chỗ khác. Anh T là lái xe đường dài nên thường xuyên đi nay đây mai đó. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đây là lần thứ hai vắng mặt anh T tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 của BLTT Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Quang T

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án đã tuân theo các quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần Việt nam T buộc anh Lê Quang T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng VPbank số tiền gốc là: 99.000.000đ; Lãi tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (05/05/2020) là : 92.826.469đ; tiền lãi phạt trả lãi là: 13.014.455đ Tổng là: 204.840.924đ (*hai trăm linh tư triệu, tám trăm bốn mươi*

ngàn, chín trăm hai mươi tư đồng). Anh Tuấn tiếp tục phải trả số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Xét giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Việt nam T và anh Lê Quang T là tự nguyện . Mục đích cho vay là mua sắm đồ gia dụng nên việc anh Lê Quang T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng dẫn đến việc Ngân hàng TMCP khởi kiện ra Tòa án là quan hệ pháp luật : “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] **Về nội dung:** Theo nội dung của hợp đồng thì ngày 29/9/2017 Ngân hàng đã chuyển khoản vào tài khoản của anh Lê Quang T số tài khoản là 133375023 theo hợp đồng điện tử số LD 172720082 ngày 29 tháng 9 năm 2017 số tiền là: 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng), thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Đến ngày 01/11/2017, anh Lê Quang T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã điện thoại và thông báo đến anh Lê Quang T, nhưng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tòa án đã tiến hành xác minh qua công an phường L, thị xã B, tỉnh T nơi anh T cư trú và xác minh tại người thân anh T, mặc dù biết Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án nhưng anh T cố tình không chịu trả tiền cho Ngân hàng.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ ngày 05/05/2017 của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định như sau: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 điều 40 điểm b khoản 2 điều 277 bộ Luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án Dân sự” như vậy trường hợp anh Lê Quang T được coi là trường hợp dấu địa chỉ và được giải quyết theo quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

Vì vậy, cần phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt nam T buộc anh Lê Quang T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 05/05/2020: số tiền gốc: 99.000.000đ; Lãi: 92.826.469đ; tiền lãi phạt trả lãi là: 13.014.455đ Tổng là: 204.840.924đ (hai trăm linh tư triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, chín trăm hai mươi tư đồng)

[3] **Về án phí** : Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 ; điểm b mục 1.3 danh mục về mức án phí lệ phí ban hành theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH buộc anh Lê Quang T phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm là: 10.242.046đ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 điều 26 , điểm a khoản 1 điều 35, khoản 3 điều 144 và khoản 1 điều 147 của BLTTDS. Điều 463;465; 466 BLDS năm 2015; điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 ; điểm b mục 1.3 danh mục về mức án phí lệ phí ban hành theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt nam T Buộc anh Lê Quang T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt nam T tính đến ngày 05/05/2020 cụ thể số tiền gốc là: gốc: 99.000.000đ; Lãi: 92.826.469đ; tiền lãi phạt trả lãi là: 13.014.455đ Tổng là: 204.840.924đ (Hai trăm linh tư triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, chín trăm hai mươi tư đồng).

Anh Lê Quang T vẫn còn tiếp tục phải trả số tiền gốc và tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Quang T phải nộp là: 10.242.046đ

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt nam T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là: 3.275.900đ (ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm đồng) theo biên lai thu số 0000999 ngày 13 tháng 10 năm 2019 của chi cục thi hành án Dân sự B.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP Việt nam T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/05/2020), anh Lê Quang T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKSND TX Bim sơn
- Chi cục THA- TX Bim sơn
- L- u hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- L- u hồ sơ .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quý

Nguyễn Thị Hạnh

Lê Thị Tân

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND P. Nam Ngạn;
- L- u hồ sơ .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cát Tường Nguyễn Thị Thanh Thủy

Lê Thị Tân

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND P. Ngọc Trạo;
- L- u hồ sơ .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tân